

Số: /2026/QĐ-CTUBND

Ninh Bình, ngày tháng năm 2026

DỰ THẢO

QUYẾT ĐỊNH

**Phân cấp thẩm quyền quản lý, khai thác và xử lý tài sản
kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa thuộc thẩm quyền
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15
được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;*

*Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công số 15/2017/QH14 được sửa
đổi, bổ sung bởi Luật số 56/2024/QH15 và Luật số 90/2025/QH15;*

*Căn cứ Luật Giao thông đường thủy nội địa số 23/2004/QH11 được sửa
đổi, bổ sung bởi Luật số 48/2014/QH13;*

*Căn cứ Nghị định số 12/2025/NĐ-CP quy định việc quản lý, sử dụng và
khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa;*

*Căn cứ Nghị định số 99/2026/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của
các nghị định quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ
tầng giao thông;*

*Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và biện
pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp
luật được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số /TTr-SXD
ngày ... tháng ... năm 2026.*

*Chủ tịch Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định phân cấp thẩm quyền
quản lý, khai thác và xử lý tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa thuộc
thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình.*

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này phân cấp thẩm quyền quản lý, khai thác và xử lý tài sản
kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân
dân tỉnh Ninh Bình, gồm:

1. Thẩm quyền quyết định giao tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa.
2. Thẩm quyền quyết định việc áp dụng hình thức bảo trì theo chất lượng thực hiện hoặc bảo trì theo khối lượng thực tế thực hiện đối với công tác bảo dưỡng thường xuyên.
3. Thẩm quyền phê duyệt đề án cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa.
4. Thẩm quyền phê duyệt đề án chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa.
5. Thẩm quyền quyết định điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa giữa các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.
6. Thẩm quyền quyết định thanh lý đối với tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa.
7. Thẩm quyền quyết định xử lý đối với tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan đến quản lý, khai thác và xử lý tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa.

Điều 3. Phân cấp thẩm quyền quản lý, khai thác và xử lý tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa

1. Thẩm quyền quyết định giao tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa
 - a) Sở Xây dựng quyết định giao tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa do cơ quan, đơn vị quản lý tài sản cấp tỉnh quản lý.
 - b) Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định giao tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa do cơ quan, đơn vị quản lý tài sản cấp xã quản lý.
2. Thẩm quyền quyết định việc áp dụng hình thức bảo trì theo chất lượng thực hiện hoặc bảo trì theo khối lượng thực tế thực hiện đối với công tác bảo dưỡng thường xuyên
 - a) Sở Xây dựng quyết định việc áp dụng hình thức bảo trì theo chất lượng thực hiện hoặc bảo trì theo khối lượng thực tế thực hiện đối với công tác bảo dưỡng thường xuyên tài sản do cơ quan, đơn vị quản lý tài sản cấp tỉnh quản lý.
 - b) Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định việc áp dụng hình thức bảo trì theo chất lượng thực hiện hoặc bảo trì theo khối lượng thực tế thực hiện đối với công tác bảo dưỡng thường xuyên tài sản do cơ quan, đơn vị quản lý tài sản cấp xã

quản lý.

3. Thẩm quyền phê duyệt đề án cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa

a) Sở Xây dựng phê duyệt đề án cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa do cơ quan, đơn vị quản lý tài sản cấp tỉnh quản lý.

b) Ủy ban nhân dân cấp xã phê duyệt đề án cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa do cơ quan, đơn vị quản lý tài sản cấp xã quản lý.

4. Thẩm quyền phê duyệt đề án chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa

a) Sở Xây dựng phê duyệt đề án chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa do cơ quan, đơn vị quản lý tài sản cấp tỉnh quản lý.

b) Ủy ban nhân dân cấp xã phê duyệt đề án chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa do cơ quan, đơn vị quản lý tài sản cấp xã quản lý.

5. Thẩm quyền quyết định điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa giữa các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý

a) Sở Xây dựng quyết định điều chuyển tài sản giữa các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh, giữa cấp tỉnh về cấp xã.

b) Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định điều chuyển tài sản giữa các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân xã quản lý.

6. Thẩm quyền quyết định thanh lý đối với tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa

a) Sở Xây dựng quyết định thanh lý đối với tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa do cơ quan, đơn vị quản lý tài sản cấp tỉnh quản lý.

b) Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định thanh lý đối với tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa do cơ quan, đơn vị quản lý tài sản cấp xã quản lý.

7. Thẩm quyền quyết định xử lý đối với tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa do cơ quan quản lý tài sản ở địa phương quản lý trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại

a) Sở Xây dựng quyết định xử lý đối với tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại do cơ quan, đơn vị quản lý tài

sản cấp tỉnh quản lý.

b) Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định xử lý đối với tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại do cơ quan, đơn vị quản lý tài sản cấp xã quản lý.

Điều 4. Hiệu lực thi hành

Quyết định có hiệu lực kể từ ngày tháng năm 2026.

Điều 5. Tổ chức thực hiện

1. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các sở; Thủ trưởng các ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thực hiện Quyết định này và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các nội dung thực hiện theo phân cấp.

2. Giám đốc Sở Xây dựng có trách nhiệm hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra, giám sát việc thực hiện Quyết định này và báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định.

3. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc phát sinh các cơ quan, đơn vị kịp thời báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Xây dựng) để xem xét, giải quyết./.

Nơi nhận:

- Vụ Pháp chế, Bộ Xây dựng;
- Cục KTVT và TCTHPL - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Lãnh đạo UBND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Như Điều 5;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Công Thông tin điện tử Chính phủ;
- Trung tâm Thông tin - Công báo;
- Lưu: VT, VP4.

CHỦ TỊCH